1. Subsystem 特売管理 có tên viết tắt là SP – tức Special Promotions
2. Trong phần sơ đồ ER của sub này, sẽ tập trung vào sheet 特売企画モデル. Mục đích lưu trữ và chi tiết của các bảng được nêu ra sau đây:
   1. SPRBargainPlanning　(1)：　thông tin về các kế hoạch khuyến mại
   2. SPRBargainPlanningCategory1　(2)：　thông tin về phân loại các kế hoạch khuyến mại
   3. SPRBargainPlanningStore (3) : lưu trữ thông tin về các cửa hàng với các kế hoạch khuyến mại áp dụng cho cửa hàng đó
   4. SPRBargainPlanningStoreDepartment (4) : Bảng kết hợp giữa SPRBargainPlanningStore (3) và SPRBargainPlanningCategory1 (2)
   5. SPRBargainPlanningProduct (5) : Bảng lưu thông tin về các loại sản phẩm trong phạm vi một kế hoạch khuyến mãi nhất định
   6. SPRBargainPlanningProductStore (6) : Bảng kết hợp thông tin giữa (3) và (5)
   7. SPRBargainPurchasesPattern : Bảng lưu thông tin về các hoạt động chi trả, mua bán trong đợt khuyến mãi
   8. SPRBargainSalesPricePattern : Bảng lưu thông tin về giá bán trong đợt khuyến mãi
   9. Các bảng còn lại được bôi màu xám, サミットng sử dụng.
3. Về các key và các trường quan trọng trong bảng:
   1. SPRBargainPlanning ：
      1. CorporationCode : mã định danh khách hàng(giá trị mặc định là 0001 - ID của サミット様 trong CCR)
      2. PlanCd：　mã định danh của kế hoạch sales
   2. SPRBargainPlanningCategory1:
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. Category1Cd : mã phân loại các kế hoạch khuyến mại
   3. SPRBargainPlanningStore (3) :
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. StoreCd : mã định danh của cửa hàng, tham gia kế hoạch khuyến mại tương ứng.
   4. SPRBargainPlanningStoreDepartment (4) :
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. StoreCd :
      4. Category1Cd : giá trị giống như column Category1Cd lưu ở bảng SPRBargainPlanningCategory1
   5. SPRBargainPlanningProduct (5) :
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. SKUCd : mã code của loại sản phẩm sẽ được đưa vào kế hoạch khuyến mãi tương ứng
   6. SPRBargainPlanningProductStore (6) :
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. SKUCd :
      4. StoreCd : giá trị giống như column StoreCd lưu ở bảng SPRBargainPlanningStore
      5. DailyPeriodStartDate : Thời gian chỉ định được của hàng đề ra, dành cho một loại sản phẩm với mã SKUCd
   7. SPRBargainPurchasesPattern :
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. SKUCd :
      4. PlanPurchasePatternNo : lưu trữ mã số mẫu chi trả, mua bán của một lô hàng với mã sản phẩm là SKUCd trong plan tương ứng
   8. SPRBargainSalesPricePattern :
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. SKUCd :
      4. PlanSalesPricePatternNo: Đơn giá của sản phẩm với mã SKUCd trong kế hoạch khuyến mại
4. Về quan hệ giữa các bảng
   1. SPRBargainPlanning　vs SPRBargainPlanningCategory1：　Một plan thì có thể được đưa vào nhiều phân loại 🡪 1 - n
   2. SPRBargainPlanning　vs SPRBargainPlanningStore：　Một plan thí có thể được nhiều cửa hàng áp dụng 🡪 1 - n
   3. SPRBargainPlanning　vs SPRBargainPlanningProduct : Một plan có thể áp dụng nhiều loại sản phẩm 🡪 1 – n
   4. SPRBargainPlanningStoreDepartment : Bảng này là sự kết hợp dữ liệu của SPRBargainPlanningStore và SPRBargainPlanningCategory1. Hai bảng được kết hợp thực chất có quan hệ N – N, nhưng bảng mới (Department) được tạo ra nhằm mục đích tạo sự rành mạch trong thiết kế và biến quan hệ N – N thành 2 quan hệ 1 - N
   5. SPRBargainPlanningProductStore cũng được tạo ra từ SPRBargainPlanningStore và SPRBargainPlanningProduct với mục đích thiết kế giống như trên
   6. SPRBargainPlanningProduct vs SPRBargainPurchasesPattern : Với một mã SKUCd trong một plan, sẽ có một record với thông tin xuất nhập, mua bán tương ứng 🡪 Quan hệ 2 bảng là 1 - 1
   7. SPRBargainPlanningProduct vs SPRBargainSalesPricePattern : Tương tự, với 1 record với mã SKUCd trong một plan nhất định, sẽ có một record tương ứng chứa thông tin về giá 🡪 Quan hệ 1- 1.
5. Về các bảng còn lại trong sheet phụ 販促その他モデル:
   1. Bảng SPRBargainPlanningOrder : Thông tin lưu trữ đơn đặt cho sản phẩm của đợt khuyến mại
      1. CorporationCode :
      2. PlanCd：
      3. SKUCd :
      4. StoreCd :
      5. DeliveryDate : ngày mà đơn được chốt
      6. DeliveryNo: mã số định danh của đơn
   2. Bảng SPRBargainEyeCatch : đây là bảng được bên サミット様 yêu cầu, nhằm mục đích lưu trữ các nhãn bắt mắt, thu hút khách hàng cho lúc khuyến mãi, được dùng chuyên cho các sản phẩm thịt sống(bò, lợn)
      1. CorporationCode :
      2. BargainYearMonth : thời gian (năm và tháng) áp dụng đoạn eyecatch
      3. PlanCd
      4. BargainType : loại khuyến mãi
      5. Category1Cd
      6. SKUCd
      7. StoreCd
      8. DeliveryDate : ?????????
      9. DailyPeriodStartDate : giống với bảng SPRBargainPlanningProductStore
   3. Bảng SPRBargainResult : lưu trữ kết quả của đợt khuyến mãi
      1. CorporationCode
      2. PlanCd
      3. SKUCd
      4. StoreCd
      5. ResultsDate : ngày xuất ra kết quả
   4. Các bảng trong sheet này không có đề cập quan hệ gì cả.